



BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Đề tài: Thực trạng và giải pháp công tác quản lý ngân sách cấp xã trên địa bàn Hà Tĩnh năm 2009 – 2011

Phần 1.

TỔNG QUAN VỀ PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH HUYỆN VŨ QUANG.

1. Quá trình hình thành và phát triển của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vũ Quang.

Phòng Tài chính - kế hoạch là một trong số 12 phòng chuyên môn thuộc cơ quan UBND huyện Vũ Quang. Thực hiện Nghị định số 27/NĐ-CP, ngày 04/08/2000 của Chính phủ về việc thành lập huyện Vũ Quang trên cơ sở chia tách 3 huyện Hương Sơn-Đức Thọ-Hương Khê. Phòng Tài chính - Kế hoạch được hình thành và đi vào hoạt động từ ngày 05/09/2000, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, bộ máy, hoạt động chuyên môn và hoạt động các tổ chức chính trị,

đoàn thể quần chúng khác của cơ quan UBND huyện Vũ Quang, đồng thời chịu sự chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ của ngành dọc cấp trên đó là: Sở Tài chính Hà Tĩnh.

- Tên giao dịch: **Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vũ Quang.**
- Nơi làm việc: Ủy ban nhân dân huyện Vũ Quang.
- Địa chỉ: Khối 4 - Thị Trấn Vũ Quang - huyện Vũ Quang.
- Điện thoại: (0393)814 036

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vũ Quang

Căn cứ vào tổng số chỉ tiêu biên chế được giao của toàn huyện về khối cơ quan hành chính Nhà nước. Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Vũ Quang được bố trí 07 cán bộ, công chức. Bao gồm 07 biên chế, trong đó 04 nam và 03 nữ.

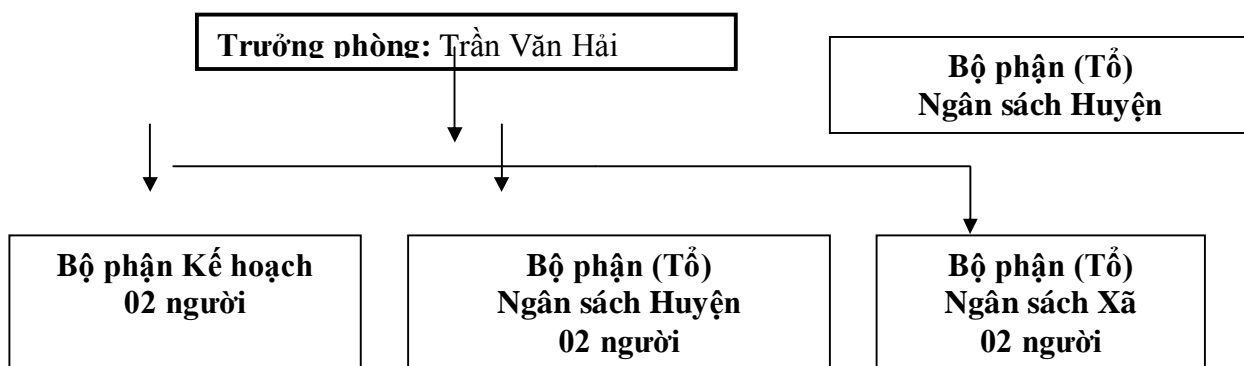
- Về trình độ chuyên môn: Có 7/7 người có trình độ Đại học = 100%.
- Về độ tuổi: Trên 50 tuổi: 0 người
Trên 40 - dưới 50 tuổi: 01 người.
Từ 30 - dưới 40 tuổi: 03 người.
Dưới 30 tuổi: 03 người.

Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Vũ Quang có 4 bộ phận nghiệp vụ:

- Bộ phận Kế hoạch.
- Bộ phận (Tổ) Ngân sách huyện.
- Bộ phận (Tổ) Ngân sách xã.
- Bộ phận (Tổ) Ngân sách sự nghiệp

Sơ đồ 1:

Cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính - huyện Vũ Quang.



3. Chức năng, nhiệm vụ của phòng Tài chính - Kế hoạch.

Chức năng, nhiệm vụ của phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ “Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh”, là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban Nhân dân huyện, quận, thị xã, Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính, tài sản; kế hoạch & đầu tư; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật.

3.1. Về lĩnh vực tài chính, tài sản.

3.1.1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về lĩnh vực tài chính; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực tài chính thuộc trách nhiệm quản lý của Phòng.

3.1.2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực tài chính trên địa bàn.

3.1.3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc huyện, UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; xây dựng trình UBND huyện dự toán ngân sách huyện theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

3.1.4. Lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách cấp huyện và tổng hợp dự toán ngân sách cấp xã, phương án phân bổ ngân sách huyện trình UBND cấp huyện; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định.

3.1.5. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của chính quyền cấp xã, tài chính hợp tác xã, tài chính kinh tế tập

thể và các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước thuộc cấp huyện.

3.1.6. Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3.1.7. Thẩm tra quyết toán các dự án đầu tư do huyện quản lý; thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã; lập quyết toán thu, chi ngân sách huyện; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện và quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách cấp huyện và quyết toán thu, chi ngân sách cấp xã) báo cáo UBND huyện để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

3.1.8. Quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm định, trình UBND cấp huyện quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản nhà nước.

3.1.9. Quản lý nguồn kinh phí được uỷ quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

3.1.10. Quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

3.1.11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý tài chính và chuyên môn nghiệp vụ được giao.

3.1.12. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về tài chính, ngân sách, giá thị trường với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tài chính.

3.1.13. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra việc thi hành pháp luật tài chính; giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài chính theo quy định của pháp luật.

3.1.14. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính theo phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật.

3.2. Về lĩnh vực kế hoạch & đầu tư; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05/8/2009 của liên Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Bội vụ “Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư

thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện”, công tác kế hoạch và đầu tư của phòng Tài chính - Kế hoạch gồm các nhiệm vụ chính như sau:

3.2.1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Dự thảo các quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm của huyện; đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn huyện;

b) Dự thảo các quyết định, chỉ thị, văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật và các quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư về công tác kế hoạch và đầu tư trên địa bàn;

3.2.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện các chương trình, danh mục, dự án đầu tư trên địa bàn; thẩm định và chịu trách nhiệm về dự án, kế hoạch đầu tư trên địa bàn thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; thẩm định và chịu trách nhiệm về kế hoạch đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án hoặc gói thầu thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3.2.3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn.

3.2.4. Cung cấp thông tin, xúc tiến đầu tư, phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn huyện; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư cấp xã.

3.2.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát và đánh giá đầu tư; kiểm tra việc thi hành pháp luật về kế hoạch và đầu tư trên địa bàn huyện; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3.2.6. Về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân:

a) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các tổ chức kinh tế tập thể và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn huyện;

c) Định kỳ lập báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi các Sở, ngành có liên quan và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

3.2.7. Tổng hợp và báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3.2.8. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

3. 2.9. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định.

3.2.10. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật.

PHẦN II

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2009-2011

I. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh.

1. Vị trí địa lý

Tháng 8 năm 1991, tỉnh Hà Tĩnh được tách ra từ tỉnh Nghệ Tĩnh thành hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được ngăn cách nhau bởi sông Lam. phía bắc là Tỉnh Nghệ An. phía Nam giáp Tỉnh Quảng Bình. Phía tây là biên giới Việt-Lào. phía Đông là biển đông

Hà Tĩnh nằm trên trục quốc lộ 1A, với 2 cửa khẩu kinh tế (Cầu Treo, Chà Lo), phía đông lại có biển đây là lợi thế không nhỏ trong chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về kinh tế - xã hội

Tỉnh Hà Tĩnh có diện tích rừng núi lớn chiếm trong tổng diện tích tự nhiên, vừa có diện tích lúa, vừa có diện tích nuôi trồng thủy sản, nền kinh tế địa phương đang ở điểm xuất phát thấp, thu nhập bình quân đầu người đến cuối năm 2011 đạt 9,3 triệu đồng/Năm, là tỉnh có thu nhập thấp so với các tỉnh trong khu vực Miền Trung

Toàn tỉnh có 10 huyện và 1 thị xã 1 thành phố và 259 xã phường thị trấn

Tổng diện tích tự nhiên là 6055,7 ha

Trong đó có:

- Đất nông nghiệp:	98.171 ha
- Đất lâm nghiệp :	240.529 ha
- Đất chuyên dùng:	45.672 ha
- Đất ở :	6.799 ha
- Đất chưa sử dụng:	214.403 ha

Về dân số toàn tỉnh có 1.227.554 người dân số chủ yếu là người Kinh. Nhìn chung dân số Hà Tĩnh phân bố không đồng đều giữa các khu vực hành chính và các vùng trong tỉnh. Do cơ cấu dân số trẻ và tốc độ dân số cao của những năm trước đây nên lực lượng lao động đã gia tăng nhanh chóng; Bình quân đến 2011 có khoảng 85% dân số trong độ tuổi lao động hàng năm tham gia hoạt động kinh tế; trong đó lao động nông nghiệp chiếm trên 80% trong tổng nguồn lao động

Năm 2011, ước tổng sản phẩm trong tỉnh đạt 7.500.731 triệu đồng, tăng 40,76 % so năm 2009. Tốc độ tăng bình quân trong 3 năm 2009 - 2011 là 9,09%, thu nhập bình quân đầu người năm 2011 so năm 2009 tăng 46,70% hay tăng 2,35 triệu đồng, nhìn chung so với các tỉnh trong khu vực, tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao nhưng thu nhập bình quân đầu người không cao do dân số của tỉnh đông.

Phát triển ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, tỉnh đã xác định nông nghiệp là ngành mũi nhọn, trong 5 năm qua, giá trị sản xuất cũng như giá trị tăng thêm của ngành nông nghiệp không ngừng tăng lên, năm 2011 so năm 2007, giá trị tăng thêm tăng 96,09% hay tăng 171.091 triệu đồng và chiếm tỷ trọng 11,78% trong GDP, bình quân giai đoạn 2006-2011 tăng 14,42%. Ngoài ngành nông sản, từ nguồn kinh phí của trung ương, tỉnh đang xây dựng khu kinh tế quốc tế cửa khẩu cầu treo tại huyện Hương Sơn là một huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh, với chiến lược nhằm nâng cao tính năng động trong hoạt động kinh tế của tỉnh.

Xét theo các thành phần kinh tế thì thành phần kinh tế nhà nước đóng góp vào giá trị GDP với một tỷ lệ tương đối cao, thể hiện qua các năm, năm 2009 góp 16,09%, năm 2010 góp 14,44%, năm 2011 góp 14,00%, sở dĩ năm 2009 mức đóng góp giảm là do một doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thiếu hiệu quả, phải giải thể. Năm 2011, dự báo mức độ đóng góp cũng không cao, vì một số doanh nghiệp (công ty khảo sát thiết kế, công ty sách thiết bị trường học, công ty vận tải, công ty nước khoáng Sơn Kim) đã cổ phần và chuyển 100% sở hữu nhà nước về người lao động, tuy nhiên trong thời gian qua kinh tế nhà nước luôn chiếm vai trò chủ đạo, toàn tỉnh có 37 doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp chế biến, xây dựng, giao thông vận tải, phân phối điện nước, tài chính tín dụng, khảo sát thiết kế, công trình công cộng.

Đối với khu vực kinh tế tư nhân và cá thể mức độ đóng góp vào GDP tăng lên hàng năm, bình quân hàng năm mức đóng góp của kinh tế tư nhân tăng 0,53% (năm 2006 là 1,87%, năm 2011: 4,53%), mức đóng góp của kinh tế cá thể tăng 0,24%. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: với chính sách ưu đãi về thuế, vốn và hỗ trợ lãi suất, tỉnh thu hút các doanh nghiệp nước ngoài và liên doanh nước ngoài đến đầu tư,

Đời sống kinh tế, xã hội ở tỉnh Hà Tĩnh những năm qua đang đi dần vào ổn định và phát triển, một số lĩnh vực khá. Nhưng còn một số hạn chế như sau:

- Mức độ tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng. Nền kinh tế mang tính chất nông nghiệp lạc hậu hiệu quả thấp, công nghiệp nhỏ bé, kết cấu hạ tầng chậm phát triển, nhất là ở nông thôn.

- Tài nguyên, tiềm lực lao động chưa khai thác sử dụng đúng mức.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Thị trường tiêu thụ còn hạn hẹp và chưa ổn định.

- Môi trường đầu tư còn yếu kém.

- Môi trường sinh thái và nguồn tài nguyên có chiều hướng giảm sút.

- Lĩnh vực văn hoá xã hội còn nhiều vấn đề lớn, bức xúc cần được giải quyết.

Vấn đề cần giải quyết đối với nền kinh tế là: yêu cầu phát triển với nhịp độ nhanh hơn nữa, giải quyết nhân sinh, phát triển xã hội trên cơ sở giải quyết những khó khăn về vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ, hạ tầng yếu kém, thiếu kinh nghiệm quản lý và trình độ công nghệ lạc hậu.

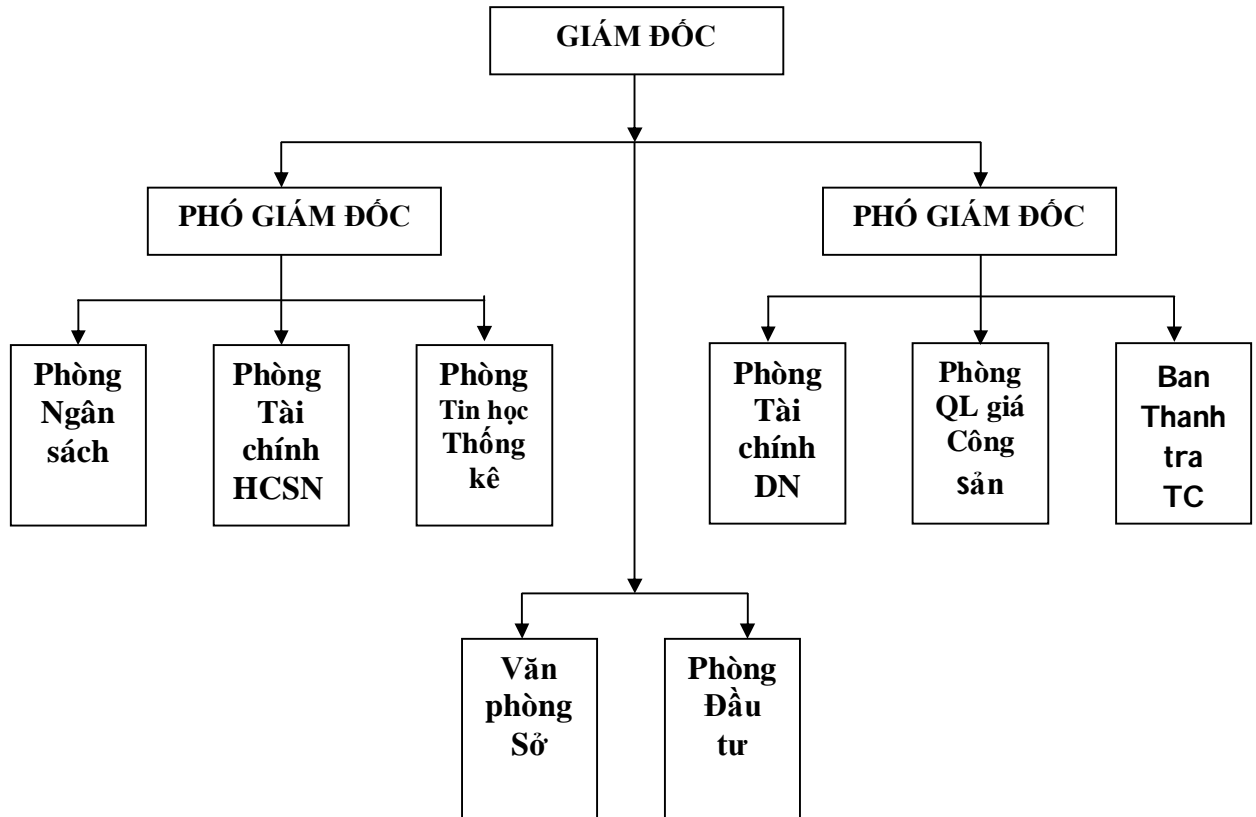
II. Tổ chức bộ máy quản lý của Sở Tài chính Hà Tĩnh

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 170/QĐ.UBT ngày 05 tháng 6 năm 1992 với nhiệm vụ giúp UBND tỉnh thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước về lĩnh vực ngân sách, tài chính đầu tư, tài chính doanh nghiệp và giá cả trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đồng thời là bộ máy thuộc ngành tài chính chịu sự lãnh đạo của Bộ Tài chính.

1. Tổ chức bộ máy Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh

Tổ chức bộ máy Sở Tài chính gồm : Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 08 phòng ban nghiệp vụ: Phòng ngân sách, Văn phòng sở, Phòng Tài chính-Hành chính sự nghiệp, Phòng Đầu tư, Phòng Quản lý doanh nghiệp, Phòng Quản lý giá – Công sản, Phòng Tin học – Thống kê và Ban Thanh tra tài chính làm việc theo chế độ thủ trưởng.

1.1 Sơ đồ tổ chức Sở Tài chính Hà Tĩnh



1.2 Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

* Giám đốc

Là người đứng đầu cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức điều hành quản lý chung và toàn diện các hoạt động của Sở Tài chính trước Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài chính đồng thời chịu trách nhiệm về hoạt động của các phó giám đốc, các trưởng phòng, ban nghiệp vụ trực thuộc sở và trưởng phòng Tài chính các huyện thị xã. Giải quyết các công việc sau

- Chỉ đạo xây dựng các văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, chế độ của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán, giá cả phù hợp với thực tế địa phương trên cơ sở các quy định của chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Đồng thời có biện pháp kiểm tra, đôn đốc việc thi hành các Quyết định đó một cách có hiệu quả

- Thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của Sở Tài chính và làm đầy đủ các nội dung công việc quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính đã phân cấp cho tỉnh và các nhiệm vụ cụ thể do UBND tỉnh giao để phân cấp, sắp xếp chỉ đạo hoạt động đối với Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thị xã. Đảm bảo phát huy được hiệu lực của hệ thống Tài chính cấp dưới.

- Tổ chức phối hợp công tác giữa Sở Tài chính với các sở, ban ngành tỉnh, nhằm đảm bảo sự phối hợp, tính đồng bộ trong quản lý đúng với phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc sở.

- Thường xuyên giữ mối quan hệ với Chi ủy, Công đoàn, ĐTNCSHCM cơ quan, qua các vấn đề về chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng, phát triển Đảng viên, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công chức cũng như các vấn đề khác

*** Các Phó giám đốc**

- Chịu trách nhiệm trước giám đốc về các nhiệm vụ được giao, thay mặt Giám đốc điều hành hoạt động của cơ quan khi Giám đốc vắng mặt

- Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Giám đốc, cụ thể hóa các chế độ chính sách trong lĩnh vực tài chính kế toán, vật giá tham gia xây dựng dự toán thu – chi Ngân sách địa phương, đề xuất ý kiến đối với các dự án, dự thảo các văn bản trình Giám đốc sở.

- Kiểm tra đôn đốc các phòng, ban chuyên môn trong việc tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các chính sách đã được UBND tỉnh cụ thể hóa thuộc lĩnh vực mình phụ trách, phát hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi bổ sung trình Giám đốc.

- Chủ động xử lý công việc trong phạm vi, quyền hạn được giao nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do người khác phụ trách thì trực tiếp phối hợp để giải quyết, nếu còn vấn đề chưa nhất trí thì trình Giám đốc sở quyết định.

*** Văn phòng sở**

- Bộ phận hành chính quản trị giúp ban lãnh đạo trong việc chỉ đạo tổ chức công tác hành chính quản trị, cũng như công tác tài vụ chi tiêu phục vụ cho hoạt động của các phòng ban chuyên môn, đồng thời có trách nhiệm thanh quyết toán nguồn kinh phí này với ngân sách địa phương.

- Bộ phận tổ chức cán bộ có nhiệm vụ tham mưu cho ban lãnh đạo về công tác tổ chức như : lưu trữ hồ sơ cán bộ công chức, tuyển dụng, đào tạo,

khen thưởng kỷ luật... đối với tất cả các cán bộ công chức sở tài chính và các phòng tài chính huyện thị xã.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tài chính kế toán ở địa phương; quản lý tài chính, tài sản và cán bộ, công chức của Sở theo qui định

*** Phòng ngân sách**

- Trình UBND tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý lĩnh vực tài chính ở địa phương theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chính phủ.

- Trình UBND tỉnh chương trình, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về tài chính ngân sách phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.

Tổ chức, chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch về lĩnh vực tài chính; hướng dẫn các cơ quan thuộc tỉnh, cơ quan tài chính cấp dưới thống nhất tổ chức triển khai thực hiện pháp luật, chính sách chế độ và các quy định của Nhà nước về tài chính trên địa bàn; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài chính.

- Trình UBND tỉnh phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách của địa phương; trình UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh phê chuẩn định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương, quyết định một số chế độ thu phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính – ngân sách, chế độ quản lý tài chính, báo cáo kế toán theo quy định của pháp luật.

- Trình UBND tỉnh qui định nhiệm vụ và các biện pháp quản lý, điều hành ngân sách hàng năm của địa phương.

Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan HCSN) thuộc tỉnh và cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật.

Thẩm định và chịu trách nhiệm về việc thẩm định dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và UBND cấp dưới.

Lập dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn, lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương, lập phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh, báo cáo UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh quyết định.

- Báo cáo UBND tỉnh xem xét đề trình HĐND tỉnh quyết định dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết, đề xuất các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí.

Thẩm tra việc phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc của cơ quan cùng cấp theo qui định.

- Phối hợp với các cơ quan thu trong việc thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn.

- Thẩm định quyết toán thu NSNN phát sinh trên địa bàn huyện, quyết toán thu, chi ngân sách huyện; thẩm định và thông báo quyết toán đối với các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách tỉnh và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

Tổng hợp tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, lập tổng quyết toán ngân sách hàng năm của địa phương để UBND tỉnh HĐND tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Tài chính.

- Quản lý các nguồn kinh phí uỷ quyền của Trung ương, quản lý quỹ dự trữ tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.

- Thống nhất quản lý các khoản vay và viện trợ dành cho địa phương theo quy định của pháp luật. Giúp UBND tỉnh triển khai việc phát hành trái phiếu và các hình thức vay nợ khác của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước

*** Phòng quản lý giá – Công sản**

- Nghiên cứu đề xuất các biện pháp, các quy định về tài chính nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, tài sản công thuộc phạm vi địa phương theo đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định

Hướng dẫn các cơ quan HCSN thuộc địa phương thực hiện chế độ quản lý tài sản nhà nước; đề xuất các biện pháp về tài chính để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, công sản tại địa phương.

Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cơ quan nhà nước ở địa phương thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thu tiền sử dụng đất, thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Tổ chức tiếp nhận, quản lý, trình UBND tỉnh xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền đối với tài sản vô chủ, tài sản mới được tìm thấy, tài sản tịch thu

sung quỹ nhà nước, tài sản viện trợ không hoàn lại khi các dự án kết thúc chuyển giao.

Kiểm tra, xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các vướng mắc về tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan HCSN và tổ chức khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Quản lý tài sản nhà nước tại các tổ chức hội, tổ chức bán công.

Tổ chức quản lý và khai thác tài sản nhà nước chưa giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng; quản lý các nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, khai thác, chuyển giao, xử lý tài sản nhà nước.

- Giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý công tác giá tại địa phương theo qui định của pháp luật; tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp của Nhà nước về giá. Trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phương án giá do các Sở, UBND huyện hoặc doanh nghiệp nhà nước xây dựng đối với giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ quan trọng, giá sản phẩm độc quyền, giá chuyển quyền sử dụng đất, giá đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá, kiểm soát giá độc quyền, chống bán phá giá, niêm yết giá theo quy định của pháp luật.

Thu thập thông tin, phân tích tình hình và sự biến động giá cả; báo cáo tình hình giá cả thị trường và tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và UBND tỉnh.

Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh; xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về giá theo quy định của Nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương thu hồi tài sản, tài nguyên thuộc sở hữu Nhà nước trong các cơ quan hành chính sự nghiệp và các tổ chức kinh tế, thực hiện việc điều chuyển tài sản, tài nguyên và chủ trì thực hiện đấu thầu thanh lý tài sản công theo quyết định của chủ UBND tỉnh hoặc của Bộ Tài chính

- Kết hợp cùng các bộ phận, cơ quan chức năng xác định : giá trị thực hiện sửa chữa các công trình của các cơ quan hành chính sự nghiệp, tiến hành

giám định tài sản của các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế theo yêu cầu của UBND tỉnh.

*** Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp**

- Tham mưu lập dự toán cấp phát quyết toán các đơn vị dự toán cấp I, các chương trình mục tiêu quốc gia

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng NS tỉnh.

- Yêu cầu Kho bạc Nhà nước (KBNN) tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, sai chính sách, chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo, thống kê.

*** Phòng Tài chính doanh nghiệp**

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp:

- Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác, hợp tác xã và tổ hợp tác), chế độ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; dự báo khả năng động viên tài chính từ doanh nghiệp trên địa bàn.

- Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán tại các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Giúp UBND tỉnh quản lý vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp do địa phương thành lập hoặc góp vốn theo qui định của pháp luật.

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp trên địa bàn, tình hình quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương thành lập hoặc góp vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hướng dẫn, quản lý và kiểm tra việc thực hiện các dịch vụ tài chính, kinh doanh xổ số kiến thiết và giải trí có đặt cược, vui chơi có thưởng theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu quản lý tài chính doanh nghiệp trên địa bàn

- Quản lý vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp do địa phương thành lập hoặc góp vốn.

- Quản lý quỹ hỗ trợ sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp

*** Phòng Đầu tư**

- Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan để tham mưu với UBND tỉnh về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn.

Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính theo vùng lãnh thổ đối với tất cả các chương trình, dự án ODA trên địa bàn tỉnh, kể cả các chương trình dự án do các Bộ, cơ quan trung ương hoặc tỉnh khác chủ trì thực hiện.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán và phương án phân bổ dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí các nguồn vốn khác có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm trình UBND tỉnh quyết định.

Tham gia chủ trương đầu tư, thẩm định tài chính các dự án đầu tư do tỉnh quản lý; tham gia xét thầu đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh và các dự án khác trên địa bàn theo đề nghị của Chủ đầu tư.

Hướng dẫn các chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc trình UBND tỉnh quyết định phân bổ vốn đầu tư, danh mục dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách tỉnh theo quy chế quản lý đầu tư, xây dựng kế hoạch điều chỉnh bổ sung, điều hoà vốn đầu tư thanh toán đối với các dự án đầu tư từ ngân sách địa phương.

Báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư, hoàn trả vốn vay theo đúng cam kết của hợp đồng tín dụng, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư, thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước, giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư.

Hướng dẫn và kiểm tra việc thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án đầu tư đã được phân cấp theo qui định.

- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương của

Chủ đầu tư và cơ quan tài chính huyện, xã, tình hình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, huyện.

- Tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (đối với dự án do Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quyết toán vốn đầu tư). Thẩm tra, phê duyệt và chịu trách nhiệm về quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư XD CB địa phương theo quy định.

Chủ trì tổ chức kiểm tra báo cáo quyết toán các dự án nhóm A sử dụng vốn NSNN do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, trình UBND tỉnh phê duyệt theo qui định của pháp luật.

- Tổng hợp, phân tích tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư của địa phương, báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Giúp UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành hoạt động của các quỹ đầu tư phát triển của địa phương.

Kiểm tra, giám sát Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển (HTPT) tại địa phương trong việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh, tái bảo lãnh đối với phần vốn từ nguồn ngân sách địa phương do UBND tỉnh uỷ thác cho Chi nhánh Quỹ HTPT thực hiện.

*** Thanh tra Tài chính**

- Thanh tra tài chính đối với các cơ quan HCSN, tổ chức kinh tế, văn hoá - xã hội, doanh nghiệp và công dân theo thẩm quyền; thanh tra đối với các cơ quan, tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với cơ quan Thanh tra Tài chính ở Trung ương thực hiện thanh tra tài chính đối với các cơ quan HCSN và doanh nghiệp do Trung ương quản lý trên địa bàn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xét, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về tài chính theo quy định của pháp luật.

- Giúp ban lãnh đạo chấn chỉnh công tác kế toán tài chính tại các đơn vị nhằm đảm bảo luôn thực hiện đúng pháp lệnh kế toán thống kê.

- Thực hiện quyền thanh tra trong phạm vi quản lý Nhà nước của Sở và quản lý công tác thanh tra đối với những cơ quan đơn vị do sở trực tiếp quản lý, cấp phát kinh phí.

- Giải quyết đơn thư xét khiếu tố theo luật định
- Xử phạt vi phạm quản lý hành chính về lĩnh vực tài chính kế toán, giá cả theo thẩm quyền.

*** Phòng Tin học – Thống kê**

- Kết xuất dữ liệu, xử lý thông tin tổng hợp báo cáo theo tiến độ
- Triển khai các phần mềm dùng chung theo đề án 112/CP, các phần mềm ứng dụng của Bộ tài chính
- Quản lý mạng LAN, WAN
- Quản trị việc kết nối với Kho bạc Nhà nước, Cục thuế, các phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện thị, Bộ Tài chính, Ban Vật giá Chính phủ, mạng chính phủ ...
- Quản lý hệ thống máy tính của Sở Tài chính

2. Tình hình cán bộ công nhân viên Sở Tài chính

Hiện tổng số cán bộ - công chức của Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh là : 55 người, trong biên chế là 51 người và 04 người là hợp đồng dài hạn. Trong đó nam chiếm 60% với 33 người, nữ 40% với 22 người. Độ tuổi bình quân của cán bộ công chức là 38 tuổi, trong đó độ tuổi bình quân của Ban Giám đốc là 52 tuổi.

Về trình độ chuyên môn có 43 người đã tốt nghiệp đại học chiếm 78%, 04 người đang học đại học (đều đã có bằng trung cấp) chiếm 7%, còn lại 02 người có bằng cao đẳng, 01 người có bằng trung cấp và 01 kỹ thuật viên. Như vậy tổng số cán bộ công chức có bằng trung cấp trở lên là 50 người chiếm 90,9%.

III. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2009 - 2011

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách xã năm 2009

- Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 06 tháng 01 năm 2009 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh “Về nhiệm vụ năm 2009”. Nghị quyết số 03/2009/NQ.HĐND tỉnh ngày 07 tháng 01 năm 2009 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009” và Nghị quyết số 04/2009/NQ.HĐNDT ngày 07 tháng 01 năm 2009 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh năm 2009 của HĐND tỉnh khóa VI kỳ họp lần thứ 8.

Căn cứ Quyết định số 02/2009/QĐ.UBT ngày 10 tháng 01 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Tĩnh “về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009”

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện, với những nhân tố thuận lợi đã được Đảng bộ phát huy và tập trung chỉ đạo, cùng với phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp và với tinh thần phát huy nội lực; Ủy ban nhân tỉnh đề ra các chương trình kế hoạch và nhiều biện pháp trong công tác quản lý và điều hành ngân sách Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn; từ đó, tình hình kinh tế văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng đã có những chuyển biến tích cực, cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng được phát triển mà nhất là trong công tác chỉ đạo thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản đã được cấp trên giao.

Tuy nhiên: trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vấn đề khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng đến tình hình chấp hành dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn như: do thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường trước được gây bất lợi cho sản xuất và đời sống. Mặt khác, trong chỉ tiêu lại phát sinh các khoản chi không có phân bổ trong dự toán đầu năm, các khoản chi đột xuất nhằm khắc phục hậu quả thiên tai...

Nhưng với quyết tâm phấn đấu và nỗ lực tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu cấp trên giao, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung theo Nghị quyết của Tỉnh uỷ và HĐND tỉnh đề ra, kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách xã trên địa bàn tỉnh năm 2009 như sau:

1.1 Về thu ngân sách xã năm 2009:

Tổng thu ngân sách xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2009 là : 68.131.000 ngàn đồng đạt 183% so với dự toán HĐND tỉnh giao, Sở dĩ có số tăng cao như vậy là do các khoản chủ yếu sau đây:

- Các khoản thu xã hưởng 100% đạt 350% so với dự toán HĐND tỉnh giao là do có một số khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân, thu kết dư ngân sách năm trước không có giao trong dự toán cụ thể như sau:

+ Phí, lệ phí trong năm 2009 thu với số tiền là : 2.555.000 ngàn đồng đạt 119% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

+ Thu từ quỹ đất công ích là : 167.000 ngàn đồng

+ Thu đóng góp nhân dân theo quy định: 1.538.000 ngàn đồng đạt 110% so với dự toán tỉnh giao

+ Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân: 1.609.000 ngàn đồng

+ Thu kết dư ngân sách năm trước : 8.727.000 ngàn đồng

+ Thu khác ngân sách : 494.000 ngàn đồng đạt 64 % so với dự toán tỉnh giao

- Các khoản phân chia theo tỷ lệ % là : 9.733.000 ngàn đồng đạt 81% so với dự toán tỉnh giao nguyên nhân là do có một số nguồn thu ở xã thu đạt thấp so với dự toán tỉnh giao cụ thể:

* Các khoản thu phân chia tối thiểu 70% là : 1.338.000 ngàn đồng đạt 114% so dự dự toán tỉnh giao.

+ Thuế nhà đất : 286.000 ngàn đồng đạt 151% so với dự toán tỉnh giao

+ Thuế môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh : 985.000 ngàn đồng đạt 101% so với dự toán tỉnh giao.

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình : 67.000 ngàn đồng

* Các khoản phân chia khác do tỉnh quy định: 8.395.000 ngàn đồng đạt 77% so với dự toán HĐND tỉnh giao là do:

+ Thuế Giá trị gia tăng : 3.817.000 ngàn đồng đạt 65% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp : 4.578.000 ngàn đồng đạt 91%

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là : 42.308.000 ngàn đồng đạt 209% so với dự toán HĐND tỉnh giao là do trong năm 2009 tỉnh có bổ sung có mục tiêu cho xã theo đề án 01 “Hỗ trợ kinh phí cho nhà ở hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc” cụ thể là :

+ Bổ sung cân đối : 22.093.000 ngàn đồng đạt 109% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

+ Bổ sung có mục tiêu : 20.215.000 ngàn đồng

1.2 Về chi ngân sách xã năm 2009:

Tổng chi ngân sách xã năm 2009 đạt 123% so với dự toán HĐND tỉnh giao chủ yếu các khoản sau:

- Chi đầu tư phát triển 636.677 ngàn đồng mục chi này HĐND tỉnh không giao trong chỉ tiêu kế hoạch

- Chi thường xuyên : 57.628.489 ngàn đồng đạt 125% so với dự toán HĐND tỉnh giao chủ yếu các khoản:

+ Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự : 2.110.108 ngàn đồng đạt 162% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi sự nghiệp giáo dục 326.705 ngàn đồng đạt 64% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi sự nghiệp y tế : 73.040 ngàn đồng (không có trong dự toán)

+ Chi sự nghiệp văn hóa thông tin : 172.923 đạt 57% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao : 60.097 ngàn đồng đạt 29% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi sự nghiệp kinh tế : 651.914 ngàn đồng đạt 128% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi sự nghiệp xã hội : 2.886.717 ngàn đồng đạt 943% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể : 51.235.406 ngàn đồng đạt 120% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi khác ngân sách : 111.579 ngàn đồng (tính không giao chỉ tiêu)

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách xã năm 2010

- Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 18 tháng 12 năm 2009 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh “Về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2010”. Nghị quyết số 56-NQ.HĐND tỉnh ngày 24 tháng 12 năm 2009 về phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2010 và quy định tỷ lệ % phân chia các nguồn thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện thị xã và xã phường thị trấn.” của HĐND tỉnh khóa VI kỳ họp lần thứ 10.

Căn cứ Quyết định số 114/2009/QĐ.UBT ngày 24 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Tĩnh “về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2010”

2.1 Về thu ngân sách xã năm 2010

Tổng thu ngân sách xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2009 là : 69.173.000 ngàn đồng đạt 136% so với dự toán HĐND tỉnh giao, và tăng 103% so với năm 2009

- Các khoản thu xã hưởng 100% đạt 367% so với dự toán HĐND tỉnh giao là do có một số khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân, thu kết dư ngân sách năm trước không có giao trong dự toán cụ thể như sau:

+ Phí, lệ phí trong năm 2009 thu với số tiền là : 2.555.000 ngàn đồng đạt 119% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 107% so với năm 2009

+ Thu đóng góp nhân dân theo quy định: 1.549.000 ngàn đồng

+ Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân: 808.000 ngàn đồng giảm 50% so với cùng kỳ năm 2009

+ Thu kết dư ngân sách năm trước : 8.866.000 ngàn đồng tăng 2% so với cùng kỳ năm 2009

+ Thu khác ngân sách : 1.064.000 ngàn đồng đạt 58 % so với dự toán tỉnh giao và tăng 115% so với cùng kỳ năm 2009

- Các khoản phân chia theo tỷ lệ % là : 22.876.000 ngàn đồng đạt 76% so với dự toán tỉnh giao tăng 135% so với năm 2009 nguyên nhân là do có một số nguồn thu ở xã thu đạt thấp so với dự toán tỉnh giao cụ thể:

* Các khoản thu phân chia tối thiểu 70% là : 1.338.000 ngàn đồng đạt 114% so dự dự toán tỉnh giao.

+ Thuế nhà đất : 729.000 ngàn đồng đạt 220 % so với dự toán tỉnh giao và tăng 155% so với năm 2009

+ Thuế chuyển quyền sử dụng đất : 1.843.000 ngàn đồng đạt 118% so với dự toán tỉnh giao

+ Thuế môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh : 3.104.000 ngàn đồng đạt 104% so với dự toán tỉnh giao và tăng 215% so với năm 2009

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình : 58.000 ngàn đồng đạt 166% so với dự toán tỉnh giao và tăng 215% so với năm 2009

+ Lệ phí trước bạ, nhà đất : 1.662.000 đạt 77% so với dự toán tỉnh giao

* Các khoản phân chia khác do tỉnh quy định: 15.480.000 ngàn đồng đạt 67% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 84% so với năm 2009:

+ Thuế Giá trị gia tăng : 8.340.000 ngàn đồng đạt 87% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 118% so với năm 2009

+ Thuê Thu nhập doanh nghiệp : 7.140.000 ngàn đồng đạt 52% so với dự toán tỉnh giao và tăng 56% so với năm 2009

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là : 31.237.000 ngàn đồng đạt 188% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 36% so với năm 2009 là do trong năm 2010 tỉnh chuyển trực tiếp cho nhà thầu một phần số bổ sung có mục tiêu theo đề án 01 “Hỗ trợ kinh phí cho nhà ở hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc” cụ thể là :

+ Bổ sung cân đối : 25.838.000 ngàn đồng đạt 155% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 17% so với cùng kỳ năm 2009

+ Bổ sung có mục tiêu : 5.435.000 ngàn đồng (đây là một phần kinh phí theo đề án 01 mà tỉnh chuyển bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã)

2.2 Về chi ngân sách xã năm 2010:

Tổng chi ngân sách xã năm 2010 đạt 110% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 3% so với năm 2009 chủ yếu các khoản sau:

- Chi đầu tư phát triển 226.062 ngàn đồng mục chi này HĐND tỉnh không giao trong chỉ tiêu kế hoạch và chỉ bằng 36% năm 2009

- Chi thường xuyên : 56.124.921 ngàn đồng đạt 113% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 3% so với năm 2009 chủ yếu các khoản:

+ Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự : 2.074.743 ngàn đồng đạt 678 % so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 2% so với năm 2009 (Số thực tế tăng cao so với kế hoạch là do trong năm 2010 tỉnh bổ sung có mục tiêu cho công tác dân quân tự vệ, tiền trang phục, tiền trực...)

+ Chi sự nghiệp giáo dục 202.796 ngàn đồng đạt 40% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 38% so với cùng kỳ năm 2009

+ Chi sự nghiệp y tế : 368.496 ngàn đồng

+ Chi sự nghiệp văn hóa thông tin : 92.226 đạt 30% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 57% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao : 43.144 ngàn đồng đạt 21% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 28% so với cùng kỳ

+ Chi sự nghiệp kinh tế : 773.585 ngàn đồng đạt 152% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 19% so với cùng kỳ

+ Chi sự nghiệp xã hội : 1.278.105 ngàn đồng đạt 98% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 66% so với năm 2009

+ Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể : 50.842.431 ngàn đồng đạt 109% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 1% so với năm 2009

+ Chi khác ngân sách 449.395 tỉnh không giao chỉ tiêu

3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách xã năm 2011

- Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh “Về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2011”.

- Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ.HĐND tỉnh ngày 16 tháng 12 năm 2010 về “Về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2011”. Nghị quyết số 16/2010/NQ. HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2010 “Về việc phê chuẩn dự toán ngân sách phân bổ nhiệm vụ thu chi ngân sách Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh năm 2011 và phần trăm (%) phân chia các nguồn thu giữa ngân sách huyện với một số xã.” của HĐND tỉnh khóa VII kỳ họp lần thứ III.

Căn cứ Quyết định số 83/2010/QĐ.UBT ngày 17 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh “về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2011”

Với quyết tâm thực hiện đạt và vượt kế hoạch HĐND tỉnh giao trong năm 2011 kết quả thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

2.1 Về thu ngân sách xã năm 2011

Tổng thu ngân sách xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2011 là : 85.152.000 ngàn đồng đạt 146% so với dự toán HĐND tỉnh giao, và tăng 23% so với năm 2010

- Các khoản thu xã hưởng 100% là 18.745.000đ đạt 357% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 25% so với năm 2010, nguyên nhân tăng cao hơn số dự toán là do có một số khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân, thu kết dư ngân sách năm trước không có giao trong dự toán cụ thể như sau:

+ Phí, lệ phí trong năm 2011 thu với số tiền là : 3.109.000 ngàn đồng đạt 134% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 14% so với năm 2010

+ Thu đóng góp nhân dân theo quy định: 1.775.000 ngàn đồng

+ Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân: 325.000 ngàn đồng giảm 60% so với cùng kỳ năm 2010

+ Thu kết dư ngân sách năm trước : 12.822.000 ngàn đồng tăng 45% so với cùng kỳ năm 2010

+ Thu khác ngân sách : 664.000 ngàn đồng đạt 35 % so với dự toán tỉnh giao và giảm 385% so với cùng kỳ năm 2010

- Các khoản phân chia theo tỷ lệ % là : 24.797.000 ngàn đồng đạt 75% so với dự toán tỉnh giao tăng 8% so với năm 2010 nguyên nhân là do có một số nguồn thu ở xã thu đạt thấp so với dự toán tỉnh giao cụ thể:

* Các khoản thu phân chia tối thiểu 70% là : 8.319.000 ngàn đồng đạt 100% so dự dự toán tỉnh giao và tăng 12% so với năm 2010

+ Thuế nhà đất : 720.000 ngàn đồng đạt 147 % so với dự toán tỉnh giao và giảm 1% so với năm 2010

+ Thuế chuyển quyền sử dụng đất : 2.405.000 ngàn đồng đạt 123% so với dự toán tỉnh giao và tăng 30% so với năm 2010

+ Thuế môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh : 3.188.000 ngàn đồng đạt 105% so với dự toán tỉnh giao và tăng 3% so với năm 2010

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình : 39.000 ngàn đồng đạt 67% so với năm 2010

+ Lệ phí trước bạ, nhà đất : 1.967.000 đạt 69% so với dự toán tỉnh giao và tăng 18% so với năm 2010

* Các khoản phân chia khác do tỉnh quy định: 16.478.000 ngàn đồng đạt 66% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 6% so với năm 2010

+ Thuế Giá trị gia tăng : 8.644.000 ngàn đồng đạt 77% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 4% so với năm 2010

+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp : 7.834.000 ngàn đồng đạt 57% so với dự toán tỉnh giao và tăng 10% so với năm 2010

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là : 41.190.000 ngàn đồng đạt 209% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 32% so với năm 2010 là do trong năm 2011 tỉnh bổ sung có mục tiêu về cho xã phần tăng lương theo Nghị định 204/NĐ.CP và một phần lương tăng theo Nghị định 118/NĐ.CP cụ thể từng khoản như sau:

+ Bổ sung cân đối : 30.573.000 ngàn đồng đạt 155% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 18% so với cùng kỳ năm 2010

+ Bổ sung có mục tiêu : 10.617.000 ngàn đồng tăng 95% so với năm 2010

3.2 Về chi ngân sách xã năm 2011:

Tổng chi ngân sách xã năm 2011 đạt 130% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 29% so với năm 2010 chủ yếu các khoản sau:

- Chi đầu tư phát triển 2.661.203 ngàn đồng mục chi này HĐND tỉnh không giao trong chỉ tiêu kế hoạch

- Chi thường xuyên : 70.001.385 ngàn đồng đạt 127% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 25% so với năm 2010 chủ yếu các khoản:

+ Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự : 2.150.861 ngàn đồng đạt 206 % so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 4% so với năm 2010 (Số thực tế tăng cao so với kế hoạch là do trong năm 2011 tỉnh bổ sung có mục tiêu cho công tác dân quân tự vệ, tiền trang phục, tiền trực...)

+ Chi sự nghiệp giáo dục 394.048 ngàn đồng đạt 77% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 94% so với cùng kỳ năm 2010

+ Chi sự nghiệp y tế : 560.253 ngàn đồng đạt 68% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 52% so với cùng kỳ năm 2010

+ Chi sự nghiệp văn hóa thông tin : 141.775 đạt 43% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 54% so với cùng kỳ năm 2010.

+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao : 83.902 ngàn đồng đạt 91% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 94% so với năm 2010

+ Chi sự nghiệp kinh tế : 1.531.753 ngàn đồng đạt 137% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 98% so với năm 2010

+ Chi sự nghiệp xã hội : 705.338 ngàn đồng đạt 86% so với dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 45% so với năm 2010

+ Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể : 64.433.455 ngàn đồng đạt 128% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 27% so với năm 2010

IV. Đánh giá chung về những thành tựu và tồn tại trong công tác quản lý ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm (2009 - 2011) :

1. Những thành tựu

1.1. Kết quả thực hiện thu

Trong ba năm qua (2009 - 2011) tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định và có bước phát triển, là những năm tạo bước ngoặt quan trọng đạt tốc cao trong công tác thu ngân sách để tạo tiền đề cho nền kinh tế tăng trưởng, qua phân tích tình hình trên ta thấy công tác thu ngân sách xã đạt được những kết quả đáng kể như sau :

** Các khoản thu phân chia do tỉnh quy định (Thuế TNDN, thuế GTGT)*

Bảng 1: Các khoản thu phân chia ngân sách

Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
Số tiền thu	Dự toán NS	Số tiền thu	Dự toán NS	Số tiền thu	Dự toán NS
8.395.000	10.902.597	15.480.000	23.104.477	16.487.000	24.966.666

Tổng thu năm 2009 là 8.395.000 ngàn đồng đạt 77% dự toán, Tổng thu năm 2010 là 15.480.000 ngàn đồng đạt 67% dự toán, so cùng kỳ năm 2009 tăng 7.085.000 ngàn đồng tỷ lệ tăng 84%. Năm 2011 tổng thu là 16.478.000 ngàn đồng đạt 66% HĐNDT giao và tăng 6% so với năm 2010

Đây là hình thức thuế, thu vào các hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ ở khu vực kinh tế tập thể, cá thể nhằm phân phối lại thu nhập của thành phần kinh tế, trên cơ sở động viên điều tiết một khoản thu nhập được quy định trên các luật thuế của những tổ chức cá nhân để phục vụ cho những lợi ích chung toàn xã hội. Đây cũng là khoản thu còn chiếm tỷ trọng thiết yếu thứ 2 trong cơ cấu thu ngân sách hàng năm rất được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng và UBND các cấp, đặc biệt là cấp xã.

*** Các khoản thu phân chia tối thiểu 70%:**

Là những khoản thu ngân sách xã được hưởng tối thiểu 70% như: trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất, tiền sử dụng đất, thuế nhà đất, thu sự nghiệp, môn bài, các thu khác... đây là khoản thu có cơ cấu từ 10 - 15% trong tổng thu ngân sách xã, nhưng cũng góp phần đáng kể trong cân đối thu chi ngân sách, phục vụ lợi ích chung cho xã hội.

Năm 2009 tổng thu là 1.338.000 ngàn đồng đạt 114% so dự toán; Năm 2010 tổng thu là 7.396.000 ngàn đồng đạt 105% dự toán so cùng kỳ năm 2009 tăng 6.058.000 ngàn đồng; Năm 2010 tổng thu 8.319.000 ngàn đồng đạt 100% so dự toán và tăng 12% so với năm 2010 với số tiền là: 923.000 ngàn đồng

*** Phí, lệ phí và các khoản đóng góp tự nguyện:**

Tất cả các khoản thu phát sinh trên địa bàn tỉnh được thực hiện gắn liền với chức năng nhiệm vụ của từng ngành và phần lớn đáp ứng yêu cầu chi tiêu có mục đích cụ thể. Các cơ quan, địa phương thu phí, lệ phí, thu khác ngân sách đều chấp hành tốt việc đăng ký với cơ quan thuế, sử dụng biên lai đúng quy định (do Bộ Tài Chính ban hành), và thực hiện thu theo đúng văn bản được cơ quan có thẩm quyền ban hành: Chính Phủ, Bộ Tài Chính, Liên Bộ ... vì UBND Tỉnh có quy định tạm thời áp dụng một số khoản thu như: thu lao động công ích, thu nhân dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, thu phạt hành chính, thu thủy lợi phí, thu học phí, viện phí, phòng chống lụt bão, an ninh quốc phòng... Tuy nhiên, tồn tại phổ biến ở các cấp, các ngành là chưa tổ chức tốt việc kiểm tra đôn đốc tổ chức thu và thanh quyết toán đầy đủ kịp thời số phát sinh thu phí lệ phí, đôi khi chưa nắm được số thu phải nộp vào ngân sách trong năm sau khi trừ số được phép để lại chi tiêu để trả thù lao, trả thưởng, chi cho kinh phí hoạt động thường xuyên... nhất là làm động tác ghi thu ghi chi vào ngân sách những loại thu cho phép còn quá chậm không kịp thời theo niên độ.

Đáng lưu ý là những khoản thu nhân dân đóng góp tự nguyện: xác định được nhiệm vụ quan trọng của khoản thu này nên các cấp uỷ Đảng, UBND địa phương đã tổ chức tốt công tác vận động tuyên truyền thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nên đã đạt được những kết quả khả quan trong cân đối thu - chi ngân sách huyện về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhất là công tác giao thông nông thôn, nhà tình nghĩa.. cụ thể trong 3 năm (2009-2011) kết quả thực hiện như sau:

Bảng 2: Thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp tự nguyện

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Phí và lệ phí	2.555.000	2.737.000	3.109.000
Thu đóng góp của nhân dân	1538000	1.549.000	1.775.000
Thu đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân	1.609.000	808.000	325.000

*** Thu kết dư ngân sách năm trước:**

Do thực hiện tốt các khoản chi dự phòng, tiết kiệm và các định mức chi tiêu nên hàng năm đều có tích lũy kết dư ngân sách.

Bảng 3: Thu kết dư ngân sách năm trước

Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
8.727.000	8.866.000	12.822.000
100%	102%	149%

Năm 2009 thu là 8.727.000 ngàn đồng; Năm 2010 thu là 8.866.000 ngàn đồng tăng 2% so cùng kỳ năm 2009. Năm 2011 thu là 12.822.000 ngàn đồng tăng 47% so cùng kỳ năm 2010.

Bằng những số liệu cụ thể cho ở phụ lục số 7; việc phân tích trên đây chúng ta đã phần nào thấy được công tác thu ngân sách xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong ba năm (2009-2011) đạt những thành tích nhất định, năm sau luôn luôn có số thu cao hơn năm trước và đã giải quyết được phần nào khó khăn trong cân đối thu - chi ngân sách xã, giải quyết đầy đủ kịp thời và đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sở dĩ đạt được điều đó là có phần đóng góp quan trọng của Ngành Tài chính tỉnh nhà Với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao của toàn bộ cán bộ công nhân viên của ngành, họ thực hiện công tác thu bằng tất cả khả năng của mình

có thể có được để thu về cho ngân sách với số thu cao nhất. Mặt khác là nhờ sự chỉ đạo thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ của ngành có liên quan ở tỉnh và nhất là sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của Cấp uỷ, UBND, sự nhiệt tình ủng hộ của Đảng uỷ - UBND các xã, thị trấn, sự hợp đồng hỗ trợ của các ngành, đoàn thể các cấp và sự năng nổ nhiệt tình tuân thủ pháp luật trong nhiệm vụ nộp thuế của các đơn vị cá nhân, các hộ nông dân thuộc diện nộp thuế.

1.2. Kết quả thực hiện chi

Bảng 4: Chi ngân sách xã

Chi tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	số tiền	tỷ lệ(%)	số tiền	tỷ lệ(%)	số tiền	tỷ lệ(%)
Chi ngân sách	58.265.166	123	56.350.983	110	72.662.588	130

Tổng chi ngân sách xã trên địa bàn năm 2009 là 58.265.166 ngàn đồng, đạt 123% dự toán; Tổng chi ngân sách xã trên địa bàn năm 2010 là 56.350.983 ngàn đồng, đạt 110% dự toán và bằng 97% so cùng kỳ năm 2009. Tổng chi ngân sách xã trên địa bàn năm 2011 là 72.662.588 ngàn đồng, đạt 130% dự toán và tăng 29% so cùng kỳ năm 2010.

Chi ngân sách, đó là quá trình sử dụng một cách có kế hoạch bộ phận cơ bản quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước, nhằm thực hiện tái sản xuất mở rộng, phát triển kinh tế - xã hội, duy trì hoạt động bộ máy quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng và nâng cao đời sống nhân dân, căn cứ vào Nghị quyết của Xã uỷ - HĐND - UBND xã về việc phát triển kinh tế - xã hội kết quả chi ngân sách xã trong 3 năm (2009-2011) như sau:

- *Chi đầu tư phát triển:*

+ Dù không được giao trong chỉ tiêu kế hoạch vì phần lớn các chỉ tiêu về xây dựng cơ bản tỉnh giao về cho huyện nhưng trong 3 năm qua xã cũng đã thực hiện một số công trình xây dựng cơ bản chủ yếu như sau : Năm 2009 tổng chi cho xây dựng cơ bản là 636.677 ngàn đồng, năm 2010 là 226.062 ngàn đồng và năm 2011 là 2.661.203 ngàn đồng

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản có tầm quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của xã, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế theo định hướng của Nhà nước, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển và nâng cao năng suất lao động xã hội. Do đó khoản chi đầu tư phát triển rất được sự quan tâm của cấp uỷ, UBND dành một khoản lớn vôi ra sau khi cân đối chi thường xuyên, các khoản đóng góp của các tổ chức cá nhân và một phần hỗ trợ của ngân sách cấp trên để đầu tư chi cho khoản này.

- *Chi thường xuyên:*

Là khoản chi thường xuyên mang tính chất là các khoản chi tiêu dùng xã hội và gắn liền với chức năng quản lý xã hội của Nhà nước. Hàng năm, ngân sách Nhà nước chi một số lượng lớn các nguồn tài chính cho lĩnh vực không sản xuất, lượng chi này được phân thành hai bộ phận cơ bản: Một bộ phận vốn được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu của dân cư trong lĩnh vực phát triển văn hoá, xã hội, nó có mối quan hệ trực tiếp với thu nhập của dân cư và làm nâng cao mức sống của dân cư, và một bộ phận xác định cho các nhu cầu quản lý kinh tế - xã hội chung của Nhà nước. Bằng các khoản chi thường xuyên Nhà nước thể hiện sự quan tâm của mình đối với nhân tố con người trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đồng thời bằng chính các khoản chi này Nhà nước thực hiện các chức năng văn hoá, giáo dục, quản lý, an ninh quốc phòng.

Chi thường xuyên của xã bao gồm:

+ Chi sự nghiệp kinh tế (sự nghiệp nông nghiệp, sự nghiệp thuỷ lợi, sự nghiệp địa chính, sự nghiệp giao thông, đào tạo, sự nghiệp y tế, sự nghiệp văn hoá - thông tin, sự nghiệp thể dục thể thao, chi đảm bảo xã hội). Đây là những khoản chi cho các dịch vụ và hoạt động xã hội phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí của dân cư, thực hiện các khoản chi sự nghiệp sẽ tạo ra các điều kiện để nâng cao trình độ văn hoá, kỹ thuật và sức khoẻ của người lao động, phát triển sức sản xuất và đó là cơ sở nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác làm giảm bớt sự chênh lệch về trình độ dân trí cũng như thu nhập giữa các thành viên trong xã hội.

Trong 3 năm (2009-2011) năm sau cao hơn năm trước cụ thể : năm 2009 là 4.171.396 ngàn đồng, năm 2010 là 2.758.352 ngàn đồng, năm 2011 là 3.417.069 ngàn đồng. Năm 2009 cao hơn 2 năm 2010 và 2011 là do trong năm 2009 sự nghiệp xã hội phát sinh nhiều ngân sách chi cho cán bộ nghỉ hưu theo Nghị quyết 16/CP

+ Chi quản lý Nhà nước là các khoản chi nhằm đảm bảo sự hoạt động của hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước của xã và cơ sở, hoạt động của Đảng Cộng Sản Việt Nam và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội.

Trong 3 năm (2009-2011) năm sau cao hơn năm trước cụ thể : năm 2009 là 51.235.406 ngàn đồng đạt 120% so với dự toán, năm 2010 là 50.842.431 ngàn đồng đạt 109% so với dự toán và giảm 1% so với năm 2009, năm 2011 là 64.433.455 ngàn đồng đạt 127% so với dự toán và tăng 26% so với năm 2010

+ Chi an ninh, quốc phòng là những khoản chi đáp ứng các nhu cầu hoạt động bảo đảm sự tồn tại của Nhà nước và an ninh, quốc phòng địa phương và giữ gìn an ninh trật tự xã hội trên địa bàn. Năm 2011 là 2.110.108 ngàn đồng, qua kết quả thực hiện công tác thu - chi ngân sách trong ba năm (2009-2011) cơ bản đảm bảo được mọi nhiệm vụ chính trị, kinh tế , văn hoá xã hội, có tích lũy vốn để đầu tư phát triển xây dựng mới nhiều cơ sở hạ tầng, phục vụ thiết thực nhằm nâng cao đời sống nhân dân.

- Những thành tựu đã đạt được trong các năm qua là do luật ngân sách và các luật thuế ngày càng hoàn chỉnh bởi các văn bản pháp quy điều chỉnh bổ sung, từng bước đáp ứng kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Mặt khác ngành tài chính và thuế của xã luôn được sự quan tâm chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn của các ngành chức năng cấp Tỉnh, huyện và nhất là sự quan tâm chỉ đạo của cấp uỷ, UBND, sự nhiệt tình hỗ trợ của các cơ quan ban ngành đoàn thể của xã, đồng thời với sự nỗ lực phấn đấu đoàn kết nhất trí của toàn thể cán bộ công nhân viên hai ngành Tài chính - Thuế đã tạo được những mặt thuận lợi trong công tác quản lý thu - chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

2. Những mặt tồn tại

2.1. Những mặt chung

Cho đến nay, các quy định của tỉnh Hà Tĩnh về ngân sách xã; đặc biệt, sau khi Luật ngân sách ra đời, đã chứng minh được tính đúng đắn của chúng. Trước hết, là chu trình ngân sách xã đã được định hình rõ nét

Tuy vậy, cho đến nay, do là những năm đầu thực hiện Luật NSNN sửa đổi bổ sung và các quy định về ngân sách xã; Và một mặt xã chưa thấy được vị trí quan trọng của ngân sách xã là một cấp ngân sách của chính quyền cơ

sở, mặt khác, xã còn thiếu kinh nghiệm trong việc tổ chức và quản lý ngân sách xã nên có một mặt hạn chế cần được ghi nhận và khắc phục như sau:

- Kinh tế chủ lực của tỉnh là sản xuất nông nghiệp, các năm qua thường bị ảnh hưởng bởi thiên tai làm cho sản xuất hàng hoá gặp khó khăn, giá lúa hàng hoá tiêu thụ giảm, ảnh hưởng đến sức mua của thị trường, làm cho các hoạt động thương mại dịch vụ bị hạn chế. Do đó có tác động ảnh hưởng đến khả năng tăng thu ngân sách trên địa bàn.

- Luật ngân sách Nhà nước mới và luật sửa đổi bổ sung một số điều có tính chất thay đổi toàn bộ phương thức về quản lý ngân sách Nhà nước so với thời kỳ trước. Do đó công tác quản lý thu chi tài chính nói chung và quản lý thu - chi ngân sách nói riêng. Song rất đáng tiếc phổ biến là trình độ năng lực của cán bộ công nhân viên ngành tài chính vừa thiếu lại vừa yếu nên có hạn chế phần nào về nghiệp vụ chuyên môn.

- Cán bộ Tài chính kế toán ở xã hiện nay khối lượng công việc khá nhiều nhưng lại quy định chỉ có một cán bộ kế toán và mức lương chưa thật sự hấp dẫn để thu hút người có trình độ về công tác lâu dài tại xã. Mặt khác cán bộ kế toán xã hình như thay đổi liên tục nếu không giữ các chức vụ cao hơn thì cũng chuyển ngành hoặc nghỉ việc nên công tác đào tạo liên tục nhiều năm nay kết quả vẫn chỉ là vừa thiếu lại vừa yếu.

2.2. Về tổ chức và điều hành thu, chi ngân sách xã

- Đối với hộ ấn định thuế việc xem xét thuế theo định kỳ của đối tượng nộp thuế ở một số xã, thị trấn chưa đúng theo quy định, khâu kiểm tra khảo sát chỉ là qua loa, chưa thật sự công bằng giữa các hộ kinh doanh cùng ngành nghề .

- Tình trạng nợ thuế vẫn còn chiếm tỷ lệ cao vì khâu xử lý chưa kiên quyết đến nơi đến chốn. Chưa có sự kết hợp đồng bộ với ngành luật pháp để xử lý điển hình những hộ có số nợ thuế nhiều tháng.

- Công tác kiểm tra xử lý chỉ tập trung kiểm tra diện tạm nghỉ kinh doanh chưa chú trọng nhiều đến việc kiểm tra các hộ ghi chép sổ sách kế toán như: kiểm tra chứng từ đầu vào đầu ra, việc ghi chép hoá đơn, kê khai, nộp thuế nhằm phát hiện các hành vi gian lận trốn thuế để kịp thời xử lý.

- Các xã, thị trấn, đơn vị thụ hưởng ngân sách Nhà nước còn nhiều lúng túng về phương cách lập dự toán thu - chi ngân sách cả năm, quý, chi tiết

theo mục, do vậy khó khăn trong khâu cấp phát, kiểm tra chi của Kho bạc và đơn vị khó khăn trong tổ chức thực hiện thu - chi ngân sách.

- Việc lập dự toán chi theo cơ cấu yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh thì chưa đảm bảo yếu tố bền vững, tăng theo tỷ lệ nhất định so với năm thực hiện.

- Công tác quản lý nguồn vốn nhân dân đóng góp tự nguyện để xây dựng cơ sở hạ tầng còn lỏng lẻo chưa thu kịp thời vào ngân sách và lập trình trình tự thủ tục như quy định.

- Việc điều hành ngân sách xã gần như theo khuôn khổ, không có phương pháp hữu hiệu khắc phục những khó khăn, thậm chí có một số xã lập kế hoạch quý tháng thì lấy kế hoạch năm chia đều, không sát với hoàn cảnh thực tế.

- Tác phong điều hành chưa thực sát đặc điểm nguồn thu của địa phương, để áp dụng vào việc lập dự toán tính thời gian của các nguồn thu để tập trung chỉ đạo thu đáp ứng nhu cầu chi.

- HĐND xã chưa nhận rõ được quyền hạn nhiệm vụ theo luật định, chưa khái quát hết được công việc quản lý ngân sách của mình trong việc quyết định dự toán, kiểm tra giám sát việc chấp hành dự toán và phê chuẩn quyết toán cho ngân sách xã.

2.3 Về việc thực hiện chế độ kế toán ngân sách xã

- Kế toán xác định được vai trò, chức năng trong công tác nghiệp vụ để làm tham mưu cho UBND nhưng vẫn chưa nghiên cứu kỹ các văn bản quản lý ngân sách, tìm hiểu học hỏi từ các cơ quan nghiệp vụ cấp trên để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ. Chính vì thế nên việc ghi chép, phân mục các nội dung phát sinh, cộng sổ, lập báo cáo còn sai sót.

- Một số nhân viên kế toán có tác phong chưa chịu khó trong công tác. Một số xã khi thu chi đã phát sinh nhưng không lập chứng từ và ghi sổ để phản ánh kịp thời; do đó UBND đã có những chủ trương không kịp thời, không sát thực tế.

- Một số nội dung đã phát sinh nhưng không chủ động lập sổ theo dõi như: theo dõi tài sản cố định, theo dõi số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, số tồn quỹ ngân sách xã ở kho bạc...

Các mặt hạn chế nói trên nhìn chung là không phải là nhược điểm khó khắc phục, vấn đề là phải có thời gian và có nỗ lực lớn về công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

I. Phương hướng hoàn thiện.

Qua thực tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Ngân sách cấp xã còn nhiều khó khăn, chưa tạo được nguồn thu cơ bản, ổn định, bảo đảm cho bộ máy xã hoạt động hiệu quả.

Trong định hướng phát triển đến năm 2016, tỉnh Hà Tĩnh xác định: “Tổ chức triển khai thực hiện tốt luật ngân sách mới được ban hành. Ngân sách nhà nước phải được quản lý tập trung thống nhất trong toàn tỉnh và xác định rõ nhiệm vụ thu chi ngân sách ở mỗi cấp trên cơ sở khuyến khích tính năng động, sáng tạo của huyện, thị và cơ sở: thực hiện chi ngân sách nhà nước theo nguyên tắc tiết kiệm trong tiêu dùng, mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để có phần tích lũy ngày càng tăng cho đầu tư phát triển”.

Từ đánh giá và định hướng trên, vấn đề hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách xã sao cho phù hợp với luật NSNN, ngay từ năm 2008, đã trở thành một trong những yêu cầu bức thiết đối với tỉnh Hà Tĩnh. Trước thực tế đó, Sở Tài chính đã xây dựng và trình với UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định tạm thời về các nguồn thu, chi ngân sách xã, thị trấn, phường. Đến nay nhìn lại các vấn đề có tính chất nguyên tắc cũng như các quy định cụ thể, đều khá sát hợp với luật NSNN. Khai thác có hiệu quả tài nguyên cả hai hệ sinh thái: nước ngọt và nước mặn để nâng cao tính năng động của nền kinh tế, phù hợp với nền kinh tế trên địa bàn.

Đầu tư phát triển tổng lực từ nhiều nguồn, trong đó nguồn lực tại chỗ và ngân sách nhà nước có yếu tố quyết định đến tốc độ phát triển, đồng thời coi trọng và ra sức tranh thủ nguồn lực ngoài tỉnh, ngoài nước để phát triển nhanh.

Khuyến khích nhân dân và các tổ chức bỏ vốn đầu tư kinh doanh tạo ra sản phẩm hàng hóa dịch vụ. Định hướng đầu tư các ngành nghề mà địa phương có lợi thế tương đối so với nơi khác. Quan tâm đầu tư cho các vùng nông thôn sâu để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm sự chênh lệch về mức sống. Thực sự tạo ra bước chuyển nhanh chóng kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn Hà Tĩnh phải dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh và các tỉnh khu vực miền trung

- Nguồn vốn phải có sự đầu tư thích đáng từ trung ương về hệ thống thủy lợi, giao thông, xây dựng nông thôn kết hợp nguồn vốn của địa phương và huy động sức dân để phát triển nông thôn toàn diện, đa dạng hóa sản phẩm, khai thác về tiềm năng đất đai, lao động tạo ra tỷ suất hàng hóa cao.

- Xây dựng thủy lợi kết hợp xây dựng giao thông thủy bộ, phục vụ trao đổi hàng hóa và dịch vụ, phân bố dân cư hợp lý, xây dựng nông thôn mới, chống ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tăng khả năng cung ứng các vật tư sản xuất cơ bản như: hạt giống, phân bón, thuốc trừ sâu, đào tạo kỹ thuật, kiến thức và cung cấp thông tin đầy đủ về canh tác nông nghiệp cũng như về thị trường cho nông thôn.

- Cung cấp tín dụng cho các thành viên sản xuất ở nông thôn để thúc đẩy sự phát triển sản xuất của nông thôn, tạo ra việc làm và nâng cao thu nhập.

- Khắc phục các chênh lệch về trình độ văn hóa, mức sống giữa nông thôn - thành thị để nhanh chóng hòa nhập vào các hoạt động xã hội và kinh tế - văn hóa.

II. Giải pháp hoàn thiện

1. Tổ chức thu ngân sách xã

Mọi khoản thu xảy ra trên địa bàn xã đều là thu ngân sách nhà nước, do đó phải phản ánh đầy đủ vào ngân sách thông qua kho bạc nhà nước, tuy nhiên trong điều kiện hiện tại đối với các xã ở xa kho bạc việc tập trung tất cả nguồn thu nộp trực tiếp vào kho bạc sẽ gặp khó khăn, cho nên trường hợp này cho phép xã để lại nguồn thu khác chi ngân sách xã sau đó dùng biện pháp ghi thu, chi khi thanh quyết toán lại phiếu.

Việc quản lý nguồn thu để chi cho mục tiêu được phân biệt như sau:

- Các khoản đóng góp có mục tiêu:

Nguồn thu từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân đầu tư cho công trình kết cấu hạ tầng, phải có kế hoạch chi tiết từng công trình, từng nguồn vốn, được HĐND xã thông qua danh mục công trình mức huy động và phải được phê duyệt của Chủ tịch UBND huyện.

Nguồn vốn này chỉ sử dụng cho các công trình huy động báo cáo thanh toán quyết toán rõ ràng đúng thủ tục đầu tư XDCB, được duyệt của UBND huyện và phải được kiểm tra của tổ chức mặt trận, đoàn thể.

Trường hợp số tiền huy động thấp hơn giá trị đầu tư, thì phải tiếp tục huy động hoặc vận động nhân dân tham gia lao động xây dựng công trình đảm bảo theo đúng kế hoạch nguồn vốn đã được duyệt.

Trường hợp số tiền huy động lớn hơn giá trị đầu tư, thì được chuyển sang đầu tư cho công trình khác, không được sử dụng chi cho hoạt động thường xuyên của ngân sách xã.

Nguồn thu phí vệ sinh được dùng toàn bộ để chi hợp đồng quét dọn vệ sinh, mua sắm xây dựng công trình vệ sinh phục vụ công cộng.

Nguồn thu quỹ quản lý trật tự an ninh xã hội, được dành toàn bộ để dành cho công tác để giữ gìn trật tự, trị an, tuần tra canh gác bảo vệ xóm làng, mua sắm phương tiện phục vụ công tác giữ gìn trật tự an ninh.

Nguồn thu dành một phần hay toàn bộ chi cho đầu tư, sửa chữa nâng cấp.

Nguồn thu phí sử dụng bến bãi, hoa chi, lệ phí tham quan, hoa lợi công sản được dành 50% lập quỹ đầu tư cho xã, dùng để chi các công trình có thu được phí, hoa chi, hoa lợi công sản của xã.

Nguồn thu cho thuê mặt bằng chợ, nếu quản lý theo dự án thì quản lý theo dự án được duyệt của cấp có thẩm quyền, trường hợp không quản lý theo dự án thực hiện như nguồn thu phí sử dụng bến bãi, hoa chi, lệ phí tham quan, hoa lợi công sản.

Nguồn thu thủy lợi phí được dành 100% chi hỗ trợ đầu tư các công trình thủy lợi theo phương thức “ nhà nước và nhân dân cùng làm”.

Nguồn thu phạt hành chính được sử dụng 30% chi công tác tuyên truyền vận động, chi hội họp, chi khen thưởng cho lực lượng trực tiếp tham gia thu phạt và phối hợp, 70% dùng chi mua sắm trang bị cơ sở vật chất, đầu tư xây dựng các công trình phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát, quản lý thuộc các lĩnh vực chuyên môn liên quan trực tiếp đến đối tượng xử phạt hành chính.

2. Tổ chức quản lý chi thường xuyên ngân sách xã:

Nguyên tắc chung trong quản lý chi thường xuyên ngân sách xã là:

- Tổng số không được vượt quá tổng số thu ngân sách xã.

Trong trường hợp nguồn thu ngân sách xã chưa tập trung kịp thời so với nhu cầu chi tiêu thường xuyên, thì được sử dụng quỹ điều hòa hoặc vay ngân sách cấp trên để chi và phải đảm bảo trả đủ trong năm ngân sách. Nghiêm cấm các xã vay mượn các đối tượng khác, chiếm dụng tiền thuế để chi ngân sách xã.

- Chi thường xuyên của ngân sách xã phải bảo đảm trong 3 định mức chi cơ bản: Định mức sinh hoạt phí cho cán bộ, định mức chi cho hoạt động và sinh hoạt phí cán bộ ấp, định mức chi hoạt động cho xã và đảm bảo đúng các mức, chhees độ chứng từ, hóa đơn.

- Số tiền tiết kiệm chi bố trí hàng năm theo dự toán ngân sách thực hiện được và số thực chi tiết kiệm so với các định mức chung, chỉ được dùng chi tăng cường cơ sở vật chất, sửa chữa và xây dựng cơ bản, không được bổ sung cho chi thường xuyên.

- Không được dùng ngân sách xã chi cho những việc thuộc ngân sách cấp trên, chi các khoản ngoài quy định như: chi cho bếp ăn tập thể, chi trợ cấp cho cán bộ xã, chi khen thưởng như mang tính chất trợ cấp chi những việc không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã.

- Tất cả những khoản chi của ngân sách xã phi được Chủ tịch UBND xã chuẩn chi (có thể ủy quyền nhưng phải chịu trách nhiệm như mình chuẩn chi) những khoản chi mua sắm sửa chữa, đầu tư với số tiền lớn dưới 100 triệu đồng thực hiện đấu thầu mua sắm.

Đối với khoản chi quản lý chi hành chính phải quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, đảm bảo chế độ chi tiêu và chi kịp thời, trước tiên là sinh hoạt phí và nghiệp vụ phí, sau đó mới chi mua sắm, sửa chữa.

Chi sự nghiệp văn xã điều hành theo quyết định của UBND xã, và dành ưu tiên cho các khoản chi chính sách xã hội đối với gia đình có công với cách mạng, những người không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, người tàn tật, mục đích làm cho cộng đồng xã có cuộc sống công bằng, thân ái.

3. *Kiểm toàn tổ chức ngân sách xã.*

Áp dụng thống nhất hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái, với các sổ kế toán bắt buộc sau:

- Sổ nhật ký sổ cái.

- Sổ thu, chi ngân sách xã.

- Sổ quỹ tiền mặt, Nhật ký thu chi quỹ tiền mặt
- Sổ quỹ công chuyên dùng
- Sổ Tài sản cố định
- Sổ theo dõi lai ấn chi

Ngoài ra tùy tình hình thực tế, các xã có thể mở thêm các sổ chi tiết khi cần thiết

4. Quan tâm chế độ đãi ngộ cán bộ xã, phường

Cán bộ xã là công chức nhà nước, nhưng đôi khi có những công việc bắt buộc phải làm thêm ngoài giờ hành chính do đó cần có chế độ phụ cấp cho phù hợp để cán bộ xã an tâm hoàn thành nhiệm vụ

Khi cán bộ xã chuyển công tác lên cấp huyện, tỉnh thì ngân sách xã chi tiền đóng bảo hiểm xã hội trong suốt quá trình công tác tại xã, đảm chế độ bảo hiểm xã hội được tính đủ thời gian công tác cho cán bộ xã.

5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Hội đồng nhân dân

Từ thực tiễn sinh động của những xã thành công trong quản lý ngân sách xã đã chứng minh: nơi nào, cấp ủy và UBND xã nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của ngân sách xã trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã cũng như trong sự phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn, thì nơi đó công tác quản lý ngân sách xã chặt chẽ, có nề nếp từ khâu quyết định chính sách, đến kiểm tra giám sát thu chi ngân sách theo pháp luật, biết dựa vào dân, vì dân trong việc động viên nguồn thu cũng như huy động sự đóng góp của nhân dân vào việc xây dựng các công trình phúc lợi, công cộng của xã.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh cần quan tâm củng cố tăng cường công tác quản lý ngân sách xã, vận dụng một cách sáng tạo Luật ngân sách nhà nước phù hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Hà Tĩnh. Quan tâm chính sách đầu tư hạ tầng kinh tế xã hội cho nông thôn, nhằm giảm dần sự phát triển cách biệt giữa nông thôn và thành thị, trước mắt phải hoàn thiện cơ chế quản lý ngân sách xã, đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới ở Hà Tĩnh

6. Phân định lại địa giới hành chính phù hợp với khả năng quản lý của chính quyền xã.

Hiện tại có một số xã có quy mô dân số trên từ 20.000 dân và có diện tích tương đối lớn với điều kiện về giao thông, thông tin, và công cụ quản lý của chính quyền xã còn rất yếu kém và trình độ cán bộ xã có giới hạn, việc quản lý các xã quá lớn tỏ ra không hiệu quả, cần phân định lại địa giới hành chính cho phù hợp hơn với khả năng quản lý của chính quyền xã, vừa với khả năng hỗ trợ ban đầu của ngân sách tỉnh, huyện cho việc chia tách xã phù hợp với định suất và các chế độ quản lý ngân sách xã hiện hành.

7. Khuyến khích thành lập các tổ chức tín dụng nông thôn bên cạnh các kênh phân phối khác

Muốn đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất, kinh doanh, cần phải có vốn. Trong tình hình hiện nay thu nhập khu vực nông thôn thấp, vốn tiết kiệm rất hạn chế thì nguồn vốn tín dụng là nhân tố quan trọng để đầu tư phát triển nhanh khu vực nông thôn, hạn chế tệ nạn cho vay nặng lãi đang tồn tại ở các vùng nông thôn sâu.

Các tổ chức tín dụng nông thôn cần được khuyến khích là:

- Ngân hàng phát triển nông nghiệp, khuyến khích mở rộng mạng lưới tín dụng đến các vùng nông thôn sâu.
- Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn.
- Tổ chức lại các hợp tác xã tín dụng.
- Thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

8 Đẩy mạnh công tác khuyến nông

Vai trò của khuyến nông rất quan trọng, ngày càng đưa nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp ngày càng đạt hiệu quả kinh tế cao.

Tổ chức khuyến nông của tỉnh Hà Tĩnh đã có mạng lưới từ tỉnh đến huyện và một số xã đã cung cấp thông tin kịp thời cho nông dân, giúp thay đổi nhận thức thực hiện cải tiến kỹ thuật có kết quả nâng cao hiệu quả sản xuất.

Kết quả đó cần phát triển tiếp trên diện rộng cho đại bộ phận nông dân được hưởng lợi ích của chương trình khuyến nông và đến với các vùng sâu, vùng xa và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác khuyến nông, nhất là thị trường tiêu thụ hàng hóa nông sản sau kết quả đạt được về tiến bộ kỹ thuật của công tác khuyến nông

PHẦN KẾT LUẬN

Trong các yếu tố để thúc đẩy việc hoàn thiện công tác quản lý ngân sách xã thì công tác thu chi ngân sách xã giữ vị trí quan trọng, là nguồn lực tại chỗ để giải quyết nhanh kịp thời các nhu cầu đặt ra.

Ngân sách xã vừa qua chưa tạo được nguồn thu vững chắc, chi tiêu không theo chế độ, nguồn ngân sách dành cho đầu tư ngày một giảm và chi cho văn hóa - xã hội rất hạn chế. Thực trạng đó đòi hỏi phải hoàn thiện cơ chế thu, chi và quản lý ngân sách xã đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển nông thôn hiện nay, góp phần thực hiện nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ Hà Tĩnh và đưa Luật NSNN vào cuộc sống.

Quá trình thực hiện Luật ngân sách sửa đổi, bổ sung đã chứng minh tính đúng đắn của các quy định về tổ chức và quản lý thu, chi ngân sách xã trên địa bàn tỉnh và cho thấy Luật NSNN đã bắt đầu bén rễ vào cuộc sống. Lần đầu tiên từ sau ngày ban hành Điều lệ ngân sách xã ở nước ta vào ngày 08/04/1972, các chỉ tiêu thu, chi đã được lượng hóa và được tổ chức và quản lý theo luật lệ thống nhất của nhà nước và trên tinh thần chủ động của địa phương.

Tuy vậy, ra đời trong một hoàn cảnh kinh tế-xã hội có nét đặc thù riêng của đất nước, từ đó làm cho một số vấn đề có tính chất nguyên tắc của Luật NSNN chưa được giải quyết triệt để (Ví dụ: do có đến 4 cấp ngân sách nên hiện tượng “co kéo” nguồn thu là không thể tránh khỏi, hoặc việc bổ sung cho ngân sách cấp dưới còn dựa trên suy diễn cảm tính...) nên việc hoàn thiện cơ chế tổ chức và quản lý thu, chi ngân sách luôn luôn được xem xét để tiến hành có tính chất triệt để hơn. Vấn đề đặt ra là cần tránh xu hướng cầu toàn hoặc máy móc thực hiện theo lối mòn gây ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình cải cách; đồng thời có biện pháp điều chỉnh, uốn nắn trước các biểu hiện lạm thu hoặc các hiện tượng tham nhũng trong quản lý ngân sách xã để gây bất bình trong dân.